

Số: 1414/QĐ-BV

Hà Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách Công chức, viên chức có nghĩa vụ
kê khai minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 37/2007/NĐ-CP về minh bạch tài sản, thu nhập;

Căn cứ Thông tư 08/2013/TT-TTCP, ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách Công chức, viên chức thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang có nghĩa vụ kê khai minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018.

(Danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ; các khoa, phòng có liên quan và công chức, viên chức có tên trong danh sách tại điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, TCCB.


Hoàng Tiến Việt

DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KÊ KHAI TÀI SẢN NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số ~~14/14~~ /QĐ-BV, ngày 12/12/2018 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
1	Hoàng Tiến Việt	Giám đốc	
2	Nguyễn Quốc Dũng	Phó Giám đốc	
3	Nguyễn Đức Dũng	Phó Giám đốc	
4	Vũ Hùng Vương	Phó Giám đốc	
5	Đỗ Văn Nghĩa	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp	
6	Lương Cao Đạt	Phó phòng Kế hoạch Tổng hợp	
7	Đặng Đức Cường	Trưởng phòng Điều dưỡng	
8	Hoàng Thị Hiền	Phó phòng Điều dưỡng	
9	Nguyễn Thị Hà	Phụ trách Phó phòng Điều dưỡng	
10	Đặng Xuân Quân	Phụ trách Phó phòng Vật tư TBYT	
11	Quách Thị Huyền	Kế toán - Phòng Vật tư TBYT	
12	Nguyễn Thị Lan	Phó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	
13	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng phòng Hành chính Quản trị	
14	Phạm Thị Kim Quy	Phó phòng Hành chính Quản trị	
15	Đinh Viết Cường	Phó phòng CNTT&TT	
16	Trần Mạnh Hà	Phụ trách Phó phòng CNTT&TT	
17	Đỗ Thị Kim Thanh	Trưởng phòng Tài chính kế toán	
18	Vũ Thị Huệ	Phó phòng Tài chính kế toán	
19	Bùi Thị Thu	PT. Phó phòng Tài chính kế toán	
20	Nguyễn Thị Thuý	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
21	Lê Thị Minh Thuý	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
22	Đào Thị Thanh	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
23	Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
24	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
25	Hoàng Thị Sưa	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
26	Vũ Thị Bẩy	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
27	Đỗ Hoàng Anh	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
28	Nguyễn Thị Thu Linh	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
29	Nguyễn Văn Trung	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
30	Nguyễn Thu Trang	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
31	Nguyễn Thị Huế	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
32	Trần Thị Uyên	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
33	Trần Hữu Long	Trưởng khoa Khám bệnh	
34	Trần Thúy Lan	Điều dưỡng Trưởng khoa Khám bệnh	
35	Nguyễn Thị Đỗ Phúc	Phó khoa Mắt	
36	Hoàng Thị Đa	Phó khoa Mắt	



TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
37	Vũ Hải Yến	Điều dưỡng Trưởng khoa Mắt	
38	Lò Thị Tâm	Trưởng khoa Răng Hàm Mặt	
39	Hà Lan Anh	Phó khoa Răng Hàm Mặt	
40	Nguyễn Thị Thúy Tình	Điều dưỡng Trưởng khoa Răng Hàm Mặt	
41	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Trưởng khoa Tai Mũi Họng	
42	Hoàng Thị Quê	Điều dưỡng Trưởng khoa Tai Mũi Họng	
43	Nguyễn Thị Thu Đông	Trưởng khoa Khám Bệnh TYC	
44	Lê Thị Toàn	Phụ trách Phó khoa Khám Bệnh TYC	
45	Nguyễn Thị Tuyến	Điều dưỡng Trưởng khoa Khám Bệnh TYC	
46	Nguyễn Xuân Sơn	Trưởng khoa Cấp Cứu	
47	Nguyễn Thị Minh Tâm	Phụ trách Phó khoa Cấp Cứu	
48	Phan Công Lý	Điều dưỡng Trưởng khoa Cấp Cứu	
49	Trần Văn Học	Trưởng khoa HSTC&CD	
50	Trần Văn Hiếu	Phụ trách Phó khoa HSTC&CD	
51	Trần Hùng Cường	Điều dưỡng Trưởng khoa HSTC&CD	
52	Vũ Đình Cao	Trưởng khoa Tim mạch Nội tiết	
53	Trịnh Tiến Hùng	Phụ trách khoa Tim mạch Nội tiết	
54	Nguyễn Thị Hiền	Điều dưỡng Trưởng khoa Tim mạch Nội tiết	
55	Nguyễn Việt Thắng	Phụ trách Trưởng khoa Nội Tổng hợp	
56	Mai Bảo Trung	Phó khoa Nội Tổng hợp	
57	Lê Thị Kim Ngân	Phụ trách Điều dưỡng trưởng khoa Nội Tổng hợp	
58	Vũ Ngọc Quyết	Trưởng khoa Ngoại Tổng hợp	
59	Đỗ Trung Kiên	Phụ trách Phó khoa Ngoại Tổng hợp	
60	Phạm Anh Tuấn	Điều dưỡng Trưởng khoa Ngoại Tổng hợp	
61	Lê Văn Lợi	Trưởng khoa Chấn thương Chỉnh hình	
62	Đào Thùy Dương	Phó khoa Chấn thương Chỉnh hình	
63	Nguyễn Thị Hà	Điều dưỡng Trưởng khoa Chấn thương Chỉnh hình	
64	Đỗ Thị Thuý	Trưởng khoa Sản	
65	Sin Thị Huyền	Phó khoa Sản	
66	Đặng Thị Ngân	Phụ trách Hộ sinh Trưởng khoa Sản	
67	Đỗ Văn Tuyến	Trưởng khoa Phẫu Thuật	
68	Nguyễn Xuân Thanh	Phó khoa Phẫu Thuật	
69	Nguyễn Thị Vân Anh	Điều dưỡng Trưởng khoa Phẫu Thuật	
70	Nguyễn Thị Hường	Trưởng khoa A10	
71	Cần Thị Hương Giang	Phụ trách Điều dưỡng Trưởng khoa A10	
72	Nguyễn Thị Thành	Điều dưỡng Trưởng khoa Thăm dò chức năng	
73	Mai Đức An	Phó khoa Truyền nhiễm	
74	Nguyễn Thuý Ninh	Điều dưỡng Trưởng khoa Truyền nhiễm	
75	Nguyễn Bá Giang	Trưởng khoa Tâm Thần	

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
76	Hoàng Thị Lê	Điều dưỡng Trưởng khoa Tâm Thần	
77	Đỗ Thị Đẹp	Trưởng khoa Da Liễu	
78	Lê Thúy Liên	Điều dưỡng Trưởng khoa Da Liễu	
79	Đào Cẩm Lê	Trưởng khoa Phục hồi chức năng	
80	Đỗ Thị Thu Hương	Kỹ thuật viên Trưởng khoa Phục hồi chức năng	
81	Nguyễn Thị Minh Trâm	Phó Khoa Nhi	
82	Lê Thị Kim Thoa	Điều dưỡng Trưởng khoa Nhi	
83	Nguyễn Thị Duyên	Trưởng khoa Y học cổ truyền	
84	Bùi Thu Hà	Phó khoa Y học cổ truyền	
85	Trần Thị Tuyết	Điều dưỡng Trưởng khoa Y học cổ truyền	
86	Lê Đức Thắng	Trưởng khoa Dược	
87	Lê Thu Trang	Phó Khoa Dược	
88	Nguyễn Thị Nhân	Kỹ thuật viên Trưởng khoa Dược	
89	Viên Thế Du	Bộ phận cung ứng thuốc - Khoa Dược	
90	Chu Quốc Huy	Bộ phận cung ứng thuốc - Khoa Dược	
91	Xuân Văn Khánh	Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	
92	Nguyễn Xuân Nghĩa	Phó khoa Chẩn đoán hình ảnh	
93	Phạm Văn Cảnh	Phó khoa Chẩn đoán hình ảnh	
94	Nguyễn Đức Thắng	Kỹ thuật viên Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	
95	Đặng Thị Nga	Kỹ thuật viên Trưởng khoa Xét nghiệm	
96	Nguyễn Thị Hoài Linh	Phó Khoa Vi Sinh	
97	Bùi Thị Hải Bình	Kỹ thuật viên Trưởng khoa Vi Sinh	
98	Nguyễn Ngọc Lưu	Trưởng khoa Huyết học Truyền máu	
99	Trần Thị Thu Ngọc	Phụ trách Điều dưỡng Trưởng khoa Huyết học Truyền máu	
100	Đinh Thị Hà	Trưởng khoa Giải phẫu bệnh	
101	Ma Thị Nhé	Kỹ thuật viên Trưởng khoa Giải phẫu bệnh	
102	Nguyễn Văn Điệp	Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	
103	Hoàng Thị Tuyết	Điều dưỡng Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	
104	Nguyễn Giang Hải	Trưởng Khoa Lão Khoa	
105	Cam Thị Huệ	Điều dưỡng Trưởng khoa Lão Khoa	
106	Mã Hồng Cầu	Trưởng khoa Ung bướu	
107	Nguyễn Khánh Dũng	Điều dưỡng Trưởng khoa Ung bướu	
108	Bùi Bích Ngọc	Phó Trưởng khoa Dinh dưỡng	
109	Khuất Thị Lệ Quyên	Điều dưỡng Trưởng khoa Dinh dưỡng	

(Ấn định danh sách 109 người)

PHỤ LỤC II

MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

(Kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính Phủ)

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

NĂM:.....

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:Năm sinh:.....
- Chức vụ/ chức danh công tác:
- Cơ quan/ đơn vị công tác:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên:Năm sinh:.....
- Chức vụ/ chức danh công tác:
- Cơ quan/ đơn vị công tác:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

a) Con thứ nhất:

- Họ và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

a) Con thứ hai:

- Họ và tên:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Nhà ở, công trình xây dựng:

a) Nhà ở:

- Nhà thứ nhất:
- + Loại nhà:Cấp công trình.....
- + Diện tích xây dựng:
- + Giá trị:

- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- + Thông tin khác (nếu có):
- Nhà thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

b) Công trình xây dựng khác:

- Công trình thứ nhất:
- + Loại công trình:Cấp công trình.....
- + Diện tích:
- + Giá trị:
- + Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- + Thông tin khác (nếu có):
- Công trình thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

2. Quyền sử dụng đất:

a) Đất ở:

- Mảnh thứ nhất:
- + Địa chỉ:
- + Diện tích:
- + Giá trị:
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- + Thông tin khác (nếu có):
- Mảnh thứ hai: (Mô tả như mảnh thứ nhất).

b) Các loại đất khác:

- Mảnh thứ nhất:
- + Địa chỉ:
- + Diện tích:
- + Giá trị:
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- + Thông tin khác (nếu có):
- Mảnh thứ hai: (Mô tả như mảnh thứ nhất).

.....

.....

.....

3. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

.....

.....

.....

4. Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tàu thủy, tàu bay, thuyền và những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp phép giấy đăng ký) có tổng giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

- Ô tô
- Mô tô
- Xe gắn máy
- Xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác)
- Tàu thủy
- Tàu bay
- Thuyền
- Những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký)

.....

.....

.....

5. Kim loại quý, đá quý, cổ phiếu, vốn góp vào các cơ sở kinh doanh, các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

- Kim loại quý
- Đá quý
- Cổ phiếu
- Vốn góp vào các cơ sở kinh doanh
- Các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác

.....

.....

6. Các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên (như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh, ảnh, đồ mỹ nghệ và các loại tài sản khác).

.....

.....

.....

7. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài gồm tất cả tài sản quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 nói trên nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam.

.....

.....

.....

8. Các khoản nợ gồm: các khoản phải trả, giá trị các tài sản quản lý hộ, giữ hộ có tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

.....

.....

.....

9. Tổng thu nhập trong năm quy đổi thành tiền Việt Nam gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác.

.....
.....
.....

III. GIẢI TRÌNH SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP (Biến động về tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm)

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/ giảm	Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm
1. Nhà ở, công trình xây dựng (tăng, giảm về số lượng, diện tích hoặc thay đổi về cấp nhà, công trình so với kỳ kê khai trước đó): a) Nhà ở: b) Công trình xây dựng khác: 2. Quyền sử dụng đất (tăng, giảm về số lượng, diện tích, thay đổi loại đất so với kỳ kê khai trước đó): a) Đất ở: b) Các loại đất khác: 3. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho Vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức tổng nước, tổ chức nước Ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 4. Các loại động sản: - Ô tô - Mô tô - Xe gắn máy - Xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác) - Tàu thủy - Tàu bay - Thuyền - Những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký) 5. Các loại tài sản: - Kim loại quý - Đá quý - Cổ phiếu - Vốn góp vào các cơ sở kinh doanh		

- Các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng Giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Các loại tài sản khác (<i>như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh, ảnh, đồ mỹ nghệ và các loại tài sản khác</i>) mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên. 7. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài gồm tất cả tài sản quy định tại Khoản 1 đến Khoản 6 nói trên nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam. 8. Các khoản nợ gồm: các khoản phải trả, giá trị các tài sản quản lý hộ, giữ hộ có tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 9. Tổng thu nhập trong năm quy đổi thành tiền Việt Nam		
--	--	--

(Người kê khai tự xác định các loại tài sản tăng, giảm trong kỳ kê khai và giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm).

Ngày nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập
.....ngày.....tháng.....năm.....

Người nhận Bản kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/ chức danh)

Ngày hoàn thành Bản kê khai tài sản, thu nhập
.....ngày.....tháng.....năm.....

Người kê khai tài sản
(Ký, ghi rõ họ tên)